

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Vinh.

2. Ông Lê Xuân Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai:
ông Trần Xuân Tới – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Giệp Du L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 36, phố 6, ấp 2, xã P, huyện Q, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Vòng Sọc V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 69, phố 1, ấp 4, xã P, huyện Q, tỉnh Đ.

(bà L có đơn xin vắng mặt, ông V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà L trình bày:*

-Về hôn nhân: Bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Đ. Trong quá trình chung sống bà và ông V hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V không tu chí làm ăn, bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Từ ngày 21/10/2018 bà và ông V sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông V không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ mà thường xuyên đe dọa bà và gia đình bà.

Nay bà L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

-Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung là Vòng Đình K, sinh ngày 23/7/2007. Hiện tại cháu K đang sống chung với ông V nên khi ly hôn bà đồng ý giao cháu K cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai bị đơn ông V trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Đ. Từ cuối năm 2018 đến nay hai vợ chồng ông ly thân với nhau cho đến nay. Nay bà L xin ly hôn ông không đồng ý vì theo ông không có mâu thuẫn gì.

- Về con chung: ông V và bà L có 01 con chung là Vòng Đình K, sinh ngày 23/7/2007. Hiện tại cháu K đang sống chung với ông và hiện tại ông đi làm, có thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu K nên khi ly hôn ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông V đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; Về con chung: giao 01 con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà L không phải cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: ông Vòng Séc V cư trú tại: Số 69, phố 1, ấp 4, xã P, huyện Q, tỉnh Đ nên đơn khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Đ vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay bà L có

đơn khởi kiện xin ly hôn với ông V nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông V xảy ra từ năm 2016 đến nay, nguyên nhân do ông V không chăm lo gia đình dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả, hai vợ chồng ly thân với nhau từ ngày 21/10/2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông V thừa nhận hiện tại hai vợ chồng ly thân với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Ông V không đồng ý ly hôn với bà L. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng ông đoàn tụ với nhau.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết hai vợ chồng bà L và ông V mâu thuẫn với nhau từ năm 2016, nguyên nhân do ông V mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Bà L có nhờ hội phụ nữ địa phương hòa giải can thiệp nhưng ông V không đến hòa giải ở cơ sở. Hiện nay hai vợ chồng bà L và ông V đã ly thân với nhau.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông V.

[4] Về con chung: hai vợ chồng bà L và ông V có 01 con chung là Vòng Đình K, sinh ngày 23/7/2007. Xét thấy, hiện tại cháu K đang sống chung với ông V và ông V có đi làm, có thu nhập. Ông V xin được trực tiếp nuôi cháu Kiệt, bà L cũng đồng ý. Qua tham khảo ý kiến của cháu K thì cháu cũng mong muốn được sống chung với ông V nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho ông V nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà L phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89, Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Giệp Du L.

-Về quan hệ hôn nhân: bà Giệp Du L được ly hôn ông Vòng Séc V.

-Về con chung: có 01 con chung là Vòng Đình K, sinh ngày 23/7/2007. Giao cháu K cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

-Về án phí: bà Giệp Du L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002206 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Nguyên đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA